**ỦY BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 560/NQ-UBTVQH15

*Hà Nội, ngày 22 tháng 7 năm 2022*

# NGHỊ QUYẾT
## Hướng dẫn việc tổ chức thực hiện hoạt động giám sát văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng Dân tộc, Ủy ban của Quốc hội

## ỦY BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI

*Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;*

*Căn cứ Luật Tổ chức Quốc hội số 57/2014/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 65/2020/QH14;*

*Căn cứ Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân số 87/2015/QH13;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 80/2015/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 63/2020/QH14;*

*Căn cứ Quy chế tổ chức thực hiện một số hoạt động giám sát của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Hội đồng Dân tộc, Ủy ban của Quốc hội, Đoàn đại biểu Quốc hội và đại biểu Quốc hội ban hành kèm theo Nghị quyết số 334/2017/UBTVQH14 ngày 11 tháng 01 năm 2017 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;*

*Theo đề nghị của Văn phòng Quốc hội tại Tờ trình số 1416/TTr-VPQH ngày 10 tháng 7 năm 2022,*

## QUYẾT NGHỊ:

## Chương I
## NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Nghị quyết này hướng dẫn về trình tự, thủ tục tổ chức thực hiện giám sát, báo cáo kết quả giám sát văn bản quy phạm pháp luật và theo dõi, đôn đốc việc thực hiện kết luận, kiến nghị giám sát của Hội đồng Dân tộc, Ủy ban của Quốc hội.

**Điều 2. Đối tượng áp dụng**

1. Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Hội đồng Dân tộc, Ủy ban của Quốc hội.

2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật, bao gồm: Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Đoàn Chủ tịch Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tổng Kiểm toán nhà nước (sau đây gọi là cơ quan, người có thẩm quyền ban hành văn bản).

3. Cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến hoạt động giám sát văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng Dân tộc, Ủy ban của Quốc hội.

**Điều 3. Phạm vi giám sát**

1. Hội đồng Dân tộc, Ủy ban của Quốc hội giám sát văn bản quy phạm pháp luật theo lĩnh vực phụ trách và nhiệm vụ, quyền hạn được giao, cụ thể như sau:

a) Văn bản quy phạm pháp luật thuộc lĩnh vực phụ trách của Hội đồng Dân tộc, Ủy ban của Quốc hội theo quy định của pháp luật;

b) Văn bản quy định chi tiết thi hành luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội do Hội đồng Dân tộc, Ủy ban của Quốc hội chủ trì thẩm tra;

c) Văn bản quy phạm pháp luật được Ủy ban Thường vụ Quốc hội giao thực hiện việc giám sát.

2. Các văn bản quy phạm pháp luật được giám sát quy định tại khoản 1 Điều này bao gồm:

a) Nghị định của Chính phủ;

b) Nghị quyết liên tịch giữa Chính phủ với Đoàn Chủ tịch Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;

c) Quyết định của Thủ tướng Chính phủ;

d) Nghị quyết của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

đ) Thông tư của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ;

e) Thông tư liên tịch giữa Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tổng Kiểm toán nhà nước, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ;

g) Quyết định của Tổng Kiểm toán nhà nước.

**Điều 4. Nội dung giám sát**

1. Tính kịp thời, đầy đủ của việc ban hành văn bản quy phạm pháp luật theo quy định tại khoản 2 Điều 11 của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và khoản 1 Điều 40 của Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân.

2. Tính hợp hiến, hợp pháp, tính thống nhất của văn bản trong hệ thống pháp luật và việc tuân thủ thẩm quyền, hình thức, trình tự, thủ tục ban hành văn bản, bao gồm:

a) Sự phù hợp của văn bản với Hiến pháp, luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

b) Sự phù hợp của hình thức văn bản với nội dung của văn bản đó;

c) Sự phù hợp của nội dung văn bản với thẩm quyền của cơ quan ban hành văn bản; việc tuân thủ trình tự, thủ tục, căn cứ pháp lý ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

d) Sự thống nhất giữa văn bản quy phạm pháp luật hiện hành với văn bản quy phạm pháp luật mới được ban hành của cùng một cơ quan.

3. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân về khuyết điểm và sai phạm trong ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

**Điều 5. Nguyên tắc giám sát văn bản quy phạm pháp luật**

1. Tuân thủ Hiến pháp và pháp luật, đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục; không làm cản trở đến hoạt động bình thường của cơ quan, tổ chức, cá nhân chịu sự giám sát.

2. Việc giám sát văn bản quy phạm pháp luật phải được tiến hành thường xuyên, giám sát theo chuyên đề khi cần thiết, bảo đảm khách quan, công khai, minh bạch, hiệu quả.

3. Báo cáo kết quả giám sát kịp thời và đúng thời hạn; đề cao sự phối hợp giữa các cơ quan trong hoạt động giám sát; chú trọng công tác theo dõi, đôn đốc thực hiện kết luận, kiến nghị sau giám sát.

4. Kết quả giám sát phải được tổng hợp, cập nhật vào cơ sở dữ liệu giám sát và được công khai theo quy định.

5. Đối với việc giám sát văn bản quy phạm pháp luật có nội dung thuộc bí mật nhà nước thì trình tự, thủ tục thực hiện giám sát, công bố kết quả giám sát phải tuân thủ quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước.

**Điều 6. Mục đích giám sát**

1. Giám sát văn bản quy phạm pháp luật gắn với việc nâng cao chất lượng xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật và tăng cường hiệu quả công tác tổ chức thi hành pháp luật.

2. Phát hiện những nội dung trái với Hiến pháp, luật, văn bản của cơ quan nhà nước cấp trên hoặc không còn phù hợp để kịp thời đình chỉ việc thi hành, sửa đổi, bổ sung hoặc bãi bỏ một phần hoặc toàn bộ văn bản; đồng thời xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý cơ quan, tổ chức, cá nhân đã ban hành văn bản trái pháp luật.

3. Phát hiện việc chậm ban hành văn bản quy định chi tiết các nội dung được giao trong luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội đã được ban hành để kịp thời đôn đốc, yêu cầu cơ quan, người có thẩm quyền được giao ban hành văn bản quy định chi tiết thực hiện nghiêm chỉnh trách nhiệm của mình theo quy định của Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân.

**Điều 7. Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân chịu sự giám sát**

1. Cơ quan, tổ chức, cá nhân chịu sự giám sát phải thực hiện đầy đủ kế hoạch, nội dung, yêu cầu giám sát của chủ thể giám sát; cung cấp thông tin liên quan đến nhiệm vụ của mình, trừ thông tin thuộc danh mục bí mật nhà nước mà theo quy

định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước thì chủ thể giám sát đó không thuộc diện được tiếp cận; báo cáo trung thực, khách quan, đầy đủ, kịp thời theo yêu cầu của cơ quan, cá nhân có thẩm quyền giám sát; thực hiện kết luận, kiến nghị giám sát của Hội đồng Dân tộc, Ủy ban của Quốc hội.

2. Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tổng Kiểm toán nhà nước, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ có trách nhiệm gửi văn bản quy phạm pháp luật mà mình đã ban hành đến Hội đồng Dân tộc, Ủy ban của Quốc hội có liên quan chậm nhất là 03 ngày kể từ ngày ký văn bản.

3. Cá nhân, người đứng đầu cơ quan, tổ chức chịu sự giám sát có trách nhiệm trực tiếp báo cáo, trình bày những vấn đề mà chủ thể giám sát yêu cầu; trường hợp không thể trực tiếp báo cáo, trình bày được thì ủy quyền cho cấp phó của mình.

4. Cơ quan, tổ chức, cá nhân chịu sự giám sát có hành vi cản trở hoặc không thực hiện nghị quyết, kết luận, yêu cầu, kiến nghị của chủ thể giám sát thì chủ thể giám sát yêu cầu, kiến nghị cơ quan, tổ chức có thẩm quyền xem xét xử lý trách nhiệm đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân đó. Tùy theo tính chất, mức độ vi phạm, chủ thể giám sát yêu cầu, kiến nghị cơ quan, tổ chức có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật đối với người đứng đầu cơ quan, tổ chức, cá nhân chịu sự giám sát và người có liên quan.

## Chương II
## TRÌNH TỰ, THỦ TỤC TỔ CHỨC THỰC HIỆN GIÁM SÁT

### Mục 1
### QUYẾT ĐỊNH HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT; THEO DÕI, TIẾP CẬN VÀ NGHIÊN CỨU, XEM XÉT, ĐÁNH GIÁ VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

**Điều 8. Việc quyết định hoạt động giám sát văn bản quy phạm pháp luật trong chương trình giám sát hằng năm của Hội đồng Dân tộc, Ủy ban của Quốc hội**

1. Hoạt động giám sát văn bản quy phạm pháp luật là một nội dung thuộc chương trình giám sát hằng năm của Hội đồng Dân tộc, Ủy ban của Quốc hội, bao gồm:

a) Giám sát thường xuyên văn bản quy phạm pháp luật theo phạm vi giám sát quy định tại Điều 3 của Nghị quyết này;

b) Trường hợp cần thiết, tổ chức giám sát chuyên đề văn bản quy phạm pháp luật về một hoặc một số lĩnh vực phụ trách của Hội đồng Dân tộc, Ủy ban của Quốc hội.

Việc tổ chức hoạt động giám sát chuyên đề văn bản quy phạm pháp luật còn phải tuân thủ quy định tại Điều 41 và các quy định khác có liên quan của Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân.

2. Việc quyết định chương trình giám sát hằng năm của Hội đồng Dân tộc, Ủy ban của Quốc hội thực hiện theo quy định tại Điều 38 của Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân. Trong chương trình giám sát hằng năm, Hội đồng Dân tộc, Ủy ban của Quốc hội xác định rõ nội dung ủy quyền cho Thường trực Hội đồng Dân tộc, Thường trực Ủy ban của Quốc hội thực hiện các công việc về giám sát văn bản quy phạm pháp luật và các công việc phải báo cáo thông qua Hội đồng Dân tộc, Ủy ban của Quốc hội.

**Điều 9. Theo dõi và tiếp cận văn bản quy phạm pháp luật**

1. Thường trực Hội đồng Dân tộc, Thường trực Ủy ban của Quốc hội chỉ đạo Vụ chuyên môn thường xuyên theo dõi, cập nhật, rà soát các văn bản quy phạm pháp luật thuộc lĩnh vực Hội đồng Dân tộc, Ủy ban của Quốc hội phụ trách được ban hành trong năm giám sát theo các nguồn quy định tại khoản 2 Điều này; thống kê kết quả rà soát, xác định văn bản quy phạm pháp luật thuộc phạm vi giám sát.

2. Các nguồn tiếp cận văn bản quy phạm pháp luật để thực hiện hoạt động giám sát văn bản quy phạm pháp luật bao gồm:

a) Văn bản quy phạm pháp luật do cơ quan, người có thẩm quyền ban hành gửi đến;

b) Văn bản quy phạm pháp luật được đăng tải trên Công báo của Chính phủ;

c) Văn bản quy phạm pháp luật được tra cứu từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật;

d) Các nguồn tiếp cận văn bản quy phạm pháp luật khác.

3. Trường hợp tiếp nhận thông tin phản ánh văn bản quy phạm pháp luật thuộc phạm vi giám sát có dấu hiệu trái pháp luật thông qua việc tiếp nhận, xử lý đơn thư khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh của cá nhân, tổ chức hoặc thông qua các phương tiện thông tin đại chúng thì Thường trực Hội đồng Dân tộc, Thường trực Ủy ban của Quốc hội chỉ đạo việc tìm kiếm, sưu tầm văn bản từ các nguồn quy định tại khoản 2 Điều này hoặc yêu cầu cơ quan, người có thẩm quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật cung cấp văn bản chính thức để phục vụ việc giám sát.

**Điều 10. Nghiên cứu, xem xét, đánh giá văn bản quy phạm pháp luật**

1. Thường trực Hội đồng Dân tộc, Thường trực Ủy ban của Quốc hội tổ chức nghiên cứu, xem xét, đánh giá đối với từng văn bản quy phạm pháp luật thuộc phạm vi giám sát.

2. Văn bản quy phạm pháp luật được xem xét, đánh giá theo các nội dung sau đây:

a) Về căn cứ pháp lý ban hành văn bản, bao gồm: việc ban hành văn bản quy phạm pháp luật phải căn cứ vào các quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; căn cứ vào văn bản quy phạm pháp luật có hiệu lực pháp lý cao hơn đang có hiệu lực thi hành hoặc đã được thông qua, ký ban hành nhưng có hiệu lực trước hoặc cùng thời điểm với văn bản được giám sát;

b) Về tính hợp hiến, hợp pháp, tính thống nhất với hệ thống pháp luật và tính kịp thời trong việc ban hành văn bản quy định chi tiết, bao gồm: văn bản quy phạm pháp luật được ban hành phải phù hợp với các quy định của Hiến pháp, luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; bảo đảm yêu cầu không làm cản trở việc thực hiện điều ước quốc tế liên quan mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên; văn bản quy định chi tiết luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội phải bảo đảm chỉ quy định các nội dung phù hợp với phạm vi được giao trong văn bản của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội và được ban hành để có hiệu lực cùng thời điểm có hiệu lực của văn bản hoặc điều, khoản, điểm được quy định chi

tiết; nội dung quy định tại văn bản quy phạm pháp luật phải bảo đảm tính thống nhất trong văn bản đó và trong hệ thống pháp luật;

c) Về thẩm quyền ban hành văn bản, bao gồm: cơ quan, người có thẩm quyền chỉ được ban hành văn bản quy phạm pháp luật theo đúng hình thức văn bản đã được quy định tại Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và phù hợp với thẩm quyền đã được pháp luật quy định hoặc được phân công, phân cấp, ủy quyền.

Thẩm quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật được xác định trong văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn quản lý nhà nước của từng cơ quan hoặc giao quy định chi tiết điều, khoản, điểm của luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và văn bản quy phạm pháp luật khác của cơ quan nhà nước cấp trên;

d) Về hình thức văn bản và trình tự, thủ tục ban hành văn bản, bao gồm: văn bản quy phạm pháp luật phải được ban hành đúng hình thức (tên gọi loại văn bản, hình thức trình bày); bảo đảm thực hiện đầy đủ các bước trong trình tự, thủ tục soạn thảo, thông qua, công bố văn bản theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

Trong quá trình rà soát văn bản từ nguồn điện tử, nếu phát hiện dấu hiệu vi phạm về hình thức thì kiểm tra, đối chiếu với văn bản giấy đã phát hành chính thức trước khi đề xuất, kiến nghị để kịp thời đính chính.

3. Trong quá trình nghiên cứu, xem xét, đánh giá văn bản quy phạm pháp luật, phát hiện nội dung giao quy định chi tiết trong luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội mà chưa ban hành thì xử lý theo quy định tại Điều 11 của Nghị quyết này; phát hiện văn bản quy phạm pháp luật có dấu hiệu trái pháp luật thì xử lý theo quy định tại Điều 12 của Nghị quyết này.

## Mục 2

## XỬ LÝ VIỆC CHƯA BAN HÀNH VĂN BẢN QUY ĐỊNH CHI TIẾT VÀ VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT CÓ DẤU HIỆU TRÁI PHÁP LUẬT

### Điều 11. Xử lý việc chưa ban hành văn bản quy định chi tiết

1. Đến thời điểm luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội có hiệu lực thi hành hoặc điều, khoản, điểm được giao quy định chi tiết có hiệu lực thi hành mà cơ quan, người có thẩm quyền được giao ban hành văn bản quy định chi tiết chưa ban hành văn bản thì Hội đồng Dân tộc, Ủy ban của Quốc hội kịp thời thực hiện các công việc sau đây:

a) Gửi văn bản đề nghị cơ quan, người có thẩm quyền ban hành văn bản, cơ quan được giao chủ trì soạn thảo văn bản báo cáo, cung cấp thông tin, giải trình về việc chưa ban hành văn bản quy định chi tiết, đồng thời đôn đốc việc khẩn trương ban hành văn bản để bảo đảm luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội được tổ chức thi hành đầy đủ trên thực tế;

b) Trong trường hợp cần thiết, tổ chức làm việc với cơ quan, người có thẩm quyền ban hành văn bản quy định chi tiết, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đề nghị báo cáo, cung cấp thông tin, giải trình và đề xuất kiến nghị hướng giải quyết đối với các nội dung giao quy định chi tiết mà chưa ban hành văn bản quy định chi tiết. Tổ chức cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản của Thường trực Hội đồng Dân tộc, Thường trực Ủy ban của Quốc hội để đưa ra nhận định, đánh giá, đề xuất hướng giải quyết đối với từng nội dung giao quy định chi tiết mà chưa ban hành văn bản quy định chi tiết;

c) Trên cơ sở ý kiến của Thường trực Hội đồng Dân tộc, Thường trực Ủy ban của Quốc hội và ý kiến các cơ quan liên quan về thời gian và hậu quả pháp lý phát sinh của việc chưa ban hành văn bản quy định chi tiết, Hội đồng Dân tộc, Ủy ban của Quốc hội xem xét, kết luận và kiến nghị cơ quan, người có thẩm quyền kịp thời ban hành văn bản quy định chi tiết, xem xét trách nhiệm, xử lý người vi phạm, khôi phục lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân bị vi phạm.

2. Hồ sơ báo cáo kết quả giám sát đối với nội dung giao quy định chi tiết mà chưa ban hành văn bản quy định chi tiết gồm có: Báo cáo kết quả nghiên cứu, đánh giá, đề xuất, kiến nghị và hướng giải quyết đối với nội dung giao quy định chi tiết mà chưa ban hành văn bản quy định chi tiết; các thông tin về rà soát, nghiên cứu, xem xét, kiến nghị xử lý đối với nội dung giao quy định chi tiết mà chưa ban hành

văn bản quy định chi tiết được cập nhật vào Phụ lục 2 ban hành kèm theo Nghị quyết này; ý kiến của các cơ quan, tổ chức có liên quan về nội dung giao quy định chi tiết mà chưa ban hành văn bản quy định chi tiết.

3. Hồ sơ báo cáo kết quả giám sát đối với nội dung giao quy định chi tiết mà chưa ban hành văn bản quy định chi tiết phải được gửi báo cáo Ủy ban Thường vụ Quốc hội và gửi đến cơ quan, người có thẩm quyền ban hành văn bản quy định chi tiết nội dung đó.

**Điều 12. Xử lý văn bản quy phạm pháp luật có dấu hiệu trái pháp luật**

1. Trường hợp phát hiện văn bản quy phạm pháp luật có dấu hiệu trái pháp luật theo quy định của pháp luật về ban hành văn bản quy phạm pháp luật thì Thường trực Hội đồng Dân tộc, Thường trực Ủy ban của Quốc hội kịp thời thực hiện các công việc sau đây:

a) Gửi văn bản đến cơ quan, người có thẩm quyền ban hành văn bản đề nghị báo cáo, cung cấp thông tin, giải trình về nội dung của văn bản quy phạm pháp luật có dấu hiệu trái pháp luật;

b) Tổ chức làm việc với cơ quan, người có thẩm quyền ban hành văn bản, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan để trao đổi, cung cấp thông tin, giải trình, làm rõ các nhận định, đánh giá và đề xuất hướng giải quyết đối với nội dung của văn bản quy phạm pháp luật có dấu hiệu trái pháp luật. Trường hợp cần thiết, gửi văn bản xin ý kiến của các cơ quan, tổ chức có liên quan về nội dung đánh giá và hướng giải quyết đối với nội dung của văn bản quy phạm pháp luật có dấu hiệu trái pháp luật.

Tổ chức cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản của Thường trực Hội đồng Dân tộc, Thường trực Ủy ban của Quốc hội để xem xét, đưa ra các nhận định, đánh giá về các thông tin báo cáo, ý kiến giải trình và đề xuất hướng giải quyết cụ thể đối với nội dung của văn bản quy phạm pháp luật có dấu hiệu trái pháp luật.

2. Trên cơ sở ý kiến của Thường trực Hội đồng Dân tộc, Thường trực Ủy ban của Quốc hội và ý kiến các cơ quan liên quan về tính chất, mức độ vi phạm của văn bản quy phạm pháp luật có dấu hiệu trái pháp luật, Hội đồng Dân tộc, Ủy ban

của Quốc hội tổ chức phiên họp để xem xét văn bản có dấu hiệu trái pháp luật, đề xuất, kiến nghị xử lý theo quy định sau đây:

a) Trường hợp văn bản chưa đúng về hình thức, kỹ thuật, trình tự, thủ tục ban hành thì kiến nghị cơ quan, người đã ban hành văn bản đính chính, có biện pháp khác để xử lý theo quy định của pháp luật;

b) Trường hợp văn bản có vi phạm về thẩm quyền ban hành hoặc văn bản có nội dung trái pháp luật thì kiến nghị cơ quan, người đã ban hành văn bản đình chỉ việc thi hành, sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một phần hoặc toàn bộ văn bản theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

c) Kết thúc phiên họp, Hội đồng Dân tộc, Ủy ban của Quốc hội ban hành kết luận về nội dung trái pháp luật của văn bản quy phạm pháp luật, gửi đến cơ quan, người có thẩm quyền ban hành văn bản để thực hiện.

3. Quá thời hạn 30 ngày mà cơ quan, người đã ban hành văn bản không thực hiện kiến nghị hoặc thực hiện không đáp ứng yêu cầu, Hội đồng Dân tộc, Ủy ban của Quốc hội tiếp tục xử lý như sau:

a) Kiến nghị Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ đình chỉ việc thi hành hoặc bãi bỏ một phần hoặc toàn bộ văn bản quy phạm pháp luật trái với Hiến pháp, luật và văn bản của cơ quan nhà nước cấp trên theo thẩm quyền;

b) Kiến nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền xem xét trách nhiệm, xử lý người vi phạm, khôi phục lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân bị vi phạm.

4. Hồ sơ báo cáo kết quả giám sát văn bản quy phạm pháp luật có nội dung trái pháp luật gồm có: Báo cáo kết quả nghiên cứu, đánh giá, đề xuất, kiến nghị và hướng giải quyết đối với văn bản quy phạm pháp luật có nội dung trái pháp luật; các thông tin của văn bản được cập nhật vào Phụ lục 3 ban hành kèm theo Nghị quyết này; toàn văn văn bản được giám sát; các văn bản là cơ sở pháp lý để xác định dấu hiệu trái pháp luật; ý kiến của các cơ quan, tổ chức có liên quan về văn bản quy phạm pháp luật có nội dung trái pháp luật.

5. Hồ sơ báo cáo kết quả giám sát văn bản quy phạm pháp luật có nội dung trái pháp luật phải được gửi báo cáo Ủy ban Thường vụ Quốc hội và gửi đến cơ quan, người có thẩm quyền ban hành văn bản được giám sát.

## Chương III
## BÁO CÁO KẾT QUẢ GIÁM SÁT VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT VÀ THEO DÕI, ĐÔN ĐỐC VIỆC THỰC HIỆN KẾT LUẬN, KIẾN NGHỊ GIÁM SÁT

### Điều 13. Báo cáo kết quả giám sát văn bản quy phạm pháp luật

1. Việc báo cáo kết quả giám sát văn bản quy phạm pháp luật được thực hiện theo định kỳ hằng năm đối với văn bản quy phạm pháp luật được giám sát ban hành từ ngày 01/01 đến hết ngày 31/12, theo yêu cầu hoặc đột xuất khi phát hiện chưa ban hành văn bản quy định chi tiết theo Điều 11 của Nghị quyết này và văn bản quy phạm pháp luật có dấu hiệu trái pháp luật cần xử lý theo quy định tại Điều 12 của Nghị quyết này.

Trường hợp giám sát chuyên đề văn bản quy phạm pháp luật, kế hoạch tổ chức giám sát chuyên đề phải xác định cụ thể kỳ báo cáo, đề cương báo cáo kết quả giám sát và các hồ sơ, tài liệu kèm theo.

2. Trong thời gian giám sát, trường hợp phát hiện nội dung giao quy định chi tiết trong luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội mà chưa ban hành văn bản quy định chi tiết hoặc phát hiện văn bản quy phạm pháp luật có dấu hiệu trái pháp luật thì Hội đồng Dân tộc, Ủy ban của Quốc hội phải kịp thời xử lý theo trình tự, thủ tục quy định tại Điều 11 và Điều 12 của Nghị quyết này; báo cáo Ủy ban Thường vụ Quốc hội kết quả đôn đốc ban hành, xem xét trách nhiệm đối với việc không kịp thời ban hành văn bản quy định chi tiết và báo cáo kết quả xử lý đối với văn bản quy phạm pháp luật có nội dung trái pháp luật; phản ánh kết quả xử lý trong Báo cáo hằng năm về kết quả giám sát văn bản quy phạm pháp luật thuộc phạm vi giám sát của Hội đồng Dân tộc, Ủy ban của Quốc hội.

3. Thường trực Hội đồng Dân tộc, Thường trực Ủy ban của Quốc hội tổ chức họp hoặc cho ý kiến bằng văn bản về dự thảo Báo cáo kết quả giám sát văn bản quy phạm pháp luật trước khi trình Hội đồng Dân tộc, Ủy ban của Quốc hội xem xét, thông qua.

4. Báo cáo kết quả giám sát văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng Dân tộc, Ủy ban của Quốc hội được xây dựng phù hợp với Đề cương Báo cáo và kèm theo các Phụ lục sau đây:

a) Phụ lục 1. Tổng hợp kết quả giám sát văn bản quy phạm pháp luật trong năm giám sát;

b) Phụ lục 2. Tổng hợp nội dung giao quy định chi tiết trong luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội mà chưa ban hành văn bản quy định chi tiết;

c) Phụ lục 3. Tổng hợp kết quả giám sát văn bản quy phạm pháp luật có dấu hiệu trái pháp luật.

5. Đề cương Báo cáo kết quả giám sát văn bản quy phạm pháp luật và các Phụ lục được ban hành kèm theo Nghị quyết này.

**Điều 14. Chế độ báo cáo hằng năm và công khai báo cáo kết quả giám sát văn bản quy phạm pháp luật**

1. Hội đồng Dân tộc, Ủy ban của Quốc hội gửi Báo cáo hằng năm về kết quả giám sát văn bản quy phạm pháp luật thuộc phạm vi giám sát đến các cơ quan quy định tại khoản 2 Điều này chậm nhất là ngày 20 tháng 3 của năm tiếp theo.

2. Báo cáo hằng năm về kết quả giám sát văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng Dân tộc, Ủy ban của Quốc hội được gửi đến Tổng Thư ký Quốc hội để tổng hợp, báo cáo Ủy ban Thường vụ Quốc hội tại phiên họp tháng 4 và gửi đại biểu Quốc hội tại kỳ họp giữa năm; gửi đến các cơ quan, tổ chức, cá nhân chịu sự giám sát; công khai trên Cổng thông tin điện tử của Quốc hội và các hình thức phù hợp khác theo quy định của pháp luật, trừ trường hợp nội dung thuộc bí mật nhà nước.

3. Trường hợp cần thiết, Hội đồng Dân tộc, Ủy ban của Quốc hội kiến nghị Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành nghị quyết về giám sát việc ban hành văn bản quy phạm pháp luật theo quy định tại khoản 5 Điều 40 của Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân.

**Điều 15. Theo dõi, đôn đốc thực hiện kết luận, kiến nghị giám sát**

1. Thường trực Hội đồng Dân tộc, Thường trực Ủy ban của Quốc hội chủ động theo dõi, kịp thời đôn đốc cơ quan, người có thẩm quyền thực hiện kết luận, kiến nghị giám sát và báo cáo kết quả thực hiện đến Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

2. Trường hợp cơ quan, người có thẩm quyền ban hành văn bản chậm thực hiện kết luận, kiến nghị so với yêu cầu thì Thường trực Hội đồng Dân tộc, Thường

trực Ủy ban của Quốc hội gửi văn bản đề nghị cơ quan, người có thẩm quyền đó giải trình về việc chậm thực hiện và làm rõ trách nhiệm, đề xuất biện pháp xử lý.

3. Trường hợp cơ quan, người có thẩm quyền ban hành văn bản không thực hiện kết luận, kiến nghị giám sát thì Thường trực Hội đồng Dân tộc, Thường trực Ủy ban của Quốc hội báo cáo Ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét, quyết định biện pháp xử lý.

## Chương IV
## ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

**Điều 16. Hiệu lực thi hành**

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày ký ban hành.

2. Việc báo cáo kết quả giám sát văn bản quy phạm pháp luật hằng năm bắt đầu thực hiện từ năm 2023.

**Điều 17. Tổ chức thi hành**

1. Hội đồng Dân tộc, Ủy ban của Quốc hội, Tổng Thư ký Quốc hội, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan tổ chức thực hiện hoạt động giám sát văn bản quy phạm pháp luật theo hướng dẫn tại Nghị quyết này. Trong quá trình thực hiện, nếu có vấn đề phát sinh, Hội đồng Dân tộc, Ủy ban của Quốc hội kịp thời báo cáo Ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét, hướng dẫn, chỉ đạo xử lý.

2. Văn phòng Quốc hội hướng dẫn việc cập nhập kết quả giám sát văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng Dân tộc, Ủy ban của Quốc hội vào cơ sở dữ liệu giám sát văn bản quy phạm pháp luật.

**TM. ỦY BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI**
**CHỦ TỊCH**

**Vương Đình Huệ**

**ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO**
**KẾT QUẢ GIÁM SÁT VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT NĂM ....**
***(từ ngày 01/01 đến ngày 31/12)***

**I. TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI THỰC HIỆN GIÁM SÁT VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT VÀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC KIẾN NGHỊ GIÁM SÁT**

**1. Việc triển khai hoạt động giám sát văn bản quy phạm pháp luật**

**2. Kết quả thực hiện các kiến nghị giám sát**

***2.1. Những nội dung đã được thực hiện***

***2.2. Những nội dung chưa thực hiện hoặc thực hiện chưa đầy đủ***

***2.3. Kết quả xử lý các văn bản có quy định không phù hợp (nếu có)***

**II. KẾT QUẢ GIÁM SÁT VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT** (bao gồm văn bản quy phạm pháp luật theo lĩnh vực phụ trách của Hội đồng Dân tộc, Ủy ban của Quốc hội; văn bản quy định chi tiết thi hành luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội đã được thông qua do Hội đồng Dân tộc, Ủy ban của Quốc hội chủ trì thẩm tra, có hiệu lực trong năm giám sát (nếu có); văn bản quy phạm pháp luật được Ủy ban Thường vụ Quốc hội giao thực hiện việc giám sát).

**1. Về tính kịp thời, đầy đủ của việc ban hành văn bản**

- Số lượng nội dung được giao quy định chi tiết, số lượng nội dung đã được quy định chi tiết; số lượng văn bản đã được ban hành quy định chi tiết, số lượng văn bản ban hành đúng thời hạn (có hiệu lực thi hành cùng với hiệu lực thi hành của văn bản giao quy định chi tiết hoặc điều, khoản, điểm được giao quy định chi tiết); số lượng văn bản ban hành chậm so với hiệu lực của văn bản giao quy định chi tiết (nêu cụ thể thời gian chậm, tính theo ngày).

- Số lượng nội dung chưa ban hành văn bản quy định chi tiết[1] (nêu lý do của việc chậm ban hành văn bản và hướng xử lý, khắc phục đối với từng nội dung chưa ban hành văn bản quy định chi tiết).

- Số lượng văn bản quy phạm pháp luật khác được ban hành trong năm giám sát.

**2. Về tính hợp hiến, hợp pháp, tính thống nhất của văn bản trong hệ thống pháp luật**

- Nêu rõ tên văn bản và những nội dung của văn bản chưa bảo đảm tính hợp hiến, hợp pháp, tính thống nhất của văn bản trong hệ thống pháp luật.

---

[1] Bao gồm cả số lượng nội dung chưa được ban hành văn bản quy định chi tiết mới phát sinh trong năm giám sát và số lượng nội dung chưa ban hành văn bản quy định chi tiết từ các năm giám sát trước.

- Nêu rõ cơ sở pháp lý để xác định nội dung trái pháp luật của văn bản, phân tích, đánh giá; kết quả xử lý và đề xuất, kiến nghị hướng xử lý đối với văn bản có dấu hiệu trái pháp luật.

**3. Về việc tuân thủ quy định về thẩm quyền ban hành, hình thức văn bản, trình tự, thủ tục và căn cứ pháp lý ban hành văn bản**

**4. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân về khuyết điểm và sai phạm trong ban hành văn bản quy phạm pháp luật**

**III. ĐÁNH GIÁ CHUNG KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC, TỒN TẠI, HẠN CHẾ VÀ NGUYÊN NHÂN**

**1. Kết quả đạt được**

**2. Tồn tại, hạn chế**

**3. Nguyên nhân**

***3.1. Nguyên nhân của kết quả đạt được***

***3.2. Nguyên nhân của tồn tại, hạn chế***

**IV. ĐỀ XUẤT VÀ KIẾN NGHỊ**

**1. Đối với Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, các cơ quan của Quốc hội và các đại biểu Quốc hội**

**2. Đối với Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ; Đoàn Chủ tịch Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tổng Kiểm toán nhà nước; cơ quan, tổ chức khác có liên quan**

**3. Các đề xuất, kiến nghị khác**

- Kiến nghị về hoàn thiện pháp luật.

- Kiến nghị về công tác tổ chức thực hiện hoạt động giám sát.

- Kiến nghị về công tác phối hợp.

- Các kiến nghị khác (nếu có).

**PHỤ LỤC 1**

**Tổng hợp kết quả giám sát văn bản quy phạm pháp luật năm….. (từ ngày 01/01 đến ngày 31/12)**

*(Ban hành kèm theo Báo cáo số……ngày……. của Hội đồng/Ủy ban)*

| STT (theo loại VB) | Tên văn bản được giám sát (*) | Nguồn tiếp cận | Căn cứ ban hành | | Ngày có hiệu lực | Kết quả rà soát | | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Quy định chi tiết VB *(ghi rõ điều, khoản, điểm giao quy định chi tiết)* | Ban hành theo thẩm quyền | | *Đánh giá về thời điểm có hiệu lực* | *Đánh giá về tính phù hợp của nội dung văn bản* | |
| | **(1)** | **(2)** | **(3)** | **(4)** | **(5)** | **(6)** | **(7)** | **(8)** |
| **I** | **Luật A** | | | | | | | |
| 1 | Nghị định | | | | | | | |
| 2 | Thông tư | | | | | | | |
| | …… | | | | | | | |
| **II** | **Luật B** | | | | | | | |
| 1 | Nghị định | | | | | | | |
| 2 | Thông tư | | | | | | | |

| | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| **III** | **Văn bản quy phạm pháp luật do các chủ thể thuộc đối tượng giám sát ban hành, thuộc lĩnh vực Hội đồng Dân tộc, Ủy ban của Quốc hội phụ trách nhưng chưa có luật, pháp lệnh, nghị quyết điều chỉnh** | | | | | | | |
| 1 | Nghị định…. | | | | | | | |
| 2 | Thông tư… | | | | | | | |
| 3 | …… | | | | | | | |

**(*) Bao gồm cả văn bản quy phạm pháp luật do các chủ thể thuộc đối tượng giám sát ban hành, thuộc lĩnh vực Hội đồng Dân tộc, Ủy ban của Quốc hội phụ trách nhưng chưa có luật, pháp lệnh, nghị quyết điều chỉnh.**

**TỔNG HỢP KẾT QUẢ GIÁM SÁT TRONG NĂM…….:**

- Tổng số văn bản quy phạm pháp luật được giám sát:…….
- Tổng số văn bản được ban hành chậm so với yêu cầu:…….
- Tổng số văn bản có dấu hiệu trái pháp luật:….

**Hướng dẫn về cách ghi thông tin tại các cột:**

- Cột 1: Ghi tên gọi của luật, bộ luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội có chứa quy phạm pháp luật được giám sát. Riêng đối với nghị quyết cần ghi rõ: Nghị quyết của Quốc hội hay Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Ghi số ký hiệu của văn bản như đã thể hiện trong văn bản được rà soát; ngày ban hành, ngày có hiệu lực (thể hiện ngày tháng năm liên quan theo định dạng dd/mm/yy (Ví dụ: 01/01/2018, 01/7/2019… (đối với ngày từ 1 - 9, tháng 1, 2 có ghi số 0 ở trước)).

- Ghi thông tin về văn bản gồm tên, số ký hiệu văn bản, ngày tháng năm ban hành, chủ thể ban hành, quy định về nội dung (Ví dụ: Nghị định số 29/2015/NĐ-CP ngày 15/6/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Công chứng).

Trường hợp một văn bản quy định chi tiết nhiều nội dung được giao trong văn bản của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội thì nên hợp nhất các dòng tương ứng để dễ theo dõi.

- Cột 2: Ghi rõ nguồn tiếp cận văn bản từ đâu (Văn bản gửi đến hay Công báo của Chính phủ, Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật hay từ nguồn nào).

- Cột 3: Ghi số thứ tự của điều, khoản, điểm trong văn bản giao quy định chi tiết; nội dung cần được quy định chi tiết; cơ quan được giao quy định chi tiết.

- Cột 4: Văn bản được ban hành theo thẩm quyền thì đánh dấu "X" vào cột này.

- Cột 5: Ghi rõ ngày tháng năm có hiệu lực của văn bản.

- Cột 6: Ghi kết quả đánh giá về tính kịp thời của việc ban hành văn bản quy định chi tiết. Cụ thể là: "Văn bản được ban hành đúng thời hạn" hay "Văn bản được ban hành chậm … " (ghi rõ số năm, tháng, ngày chậm có hiệu lực thi hành).

- Cột 7: Ghi kết quả rà soát, đánh giá văn bản theo các mẫu lựa chọn sau:

+ "Văn bản ban hành đúng quy định, chưa phát hiện sai sót" (trong trường hợp chưa phát hiện dấu hiệu trái pháp luật hoặc vi phạm về trình tự, thủ tục).

+ "Văn bản có dấu hiệu vi phạm ít nghiêm trọng" (nếu trong văn bản có nội dung vi phạm ít nghiêm trọng, cần xem xét, đánh giá, rút kinh nghiệm thêm).

+ "Văn bản có dấu hiệu trái pháp luật nghiêm trọng" (trong trường hợp qua rà soát có phát hiện dấu hiệu trái pháp luật về thẩm quyền, về nội dung hoặc các vi phạm khác làm ảnh hưởng đến tính hợp pháp và hiệu lực của văn bản).

- Cột 8: Ghi các thông tin cần chú ý khác (Ví dụ như văn bản giao quy định chi tiết hết hiệu lực hay hết hiệu lực một phần; có dấu hiệu trái pháp luật...).

**PHỤ LỤC 2**

**Tổng hợp nội dung giao quy định chi tiết trong luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội mà chưa ban hành văn bản quy định chi tiết năm…. (từ ngày 01/01 đến ngày 31/12)**

*(Ban hành kèm theo Báo cáo số……..ngày……. của Hội đồng/Ủy ban)*

| STT | Tên văn bản QPPL của QH, UBTVQH | Thời điểm có hiệu lực thi hành | Điều khoản và nội dung giao QĐCT mà chưa ban hành VBQĐCT | Cơ quan có trách nhiệm thực hiện | Ý kiến của cơ quan được giao QĐCT và hướng xử lý | Nhận xét, đánh giá ý kiến trả lời của cơ quan được giao QĐCT và đề xuất hướng xử lý | Kết quả kiến nghị và hướng xử lý | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) |
| 1 | | | | | | | | |
| 2 | | | | | | | | |
| 3 | | | | | | | | |

Ghi chú: Trường hợp thông tin nội dung (5) và (6) quá dài thì chỉ cập nhật thông tin ngắn gọn vào 2 cột này và kèm theo văn bản ý kiến chi tiết, đầy đủ.

**PHỤ LỤC 3**

**Tổng hợp kết quả giám sát văn bản quy phạm pháp luật có dấu hiệu trái pháp luật năm….., (từ ngày 01/01 đến ngày 31/12)**

*(Ban hành kèm theo Báo cáo……. ngày……. của Hội đồng/Ủy ban…….)*

| STT | Tên văn bản được giám sát | Nội dung có dấu hiệu trái pháp luật | Cơ sở pháp lý | Nhận định, đánh giá của Hội đồng/Ủy ban … | Ý kiến trả lời của cơ quan, người có thẩm quyền ban hành văn bản và hướng xử lý | Đánh giá ý kiến trả lời của cơ quan, người có thẩm quyền ban hành văn bản và đề xuất hướng xử lý | Kết quả xử lý theo thẩm quyền; kiến nghị, đề xuất UBTVQH xử lý | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) |
| 1 | | | | | | | | |
| 2 | | | | | | | | |
| 3 | | | | | | | | |
| 4 | | | | | | | | |
| 5 | | | | | | | | |

Ghi chú: Trường hợp thông tin nội dung (5) và (6) quá dài thì chỉ cập nhật thông tin ngắn gọn vào 2 cột này và kèm theo văn bản ý kiến chi tiết, đầy đủ.